

**Phụ lục I**  
**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA PHỤ LỤC SỐ III.2**  
**BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2019/QĐ-UBND**  
**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN BÌNH THỦY (CŨ)**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2025/QĐ-UBND)*

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

| Stt | Tên khu tái định cư                             | Đoạn đường                |     | Giá đất    |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------------|-----|------------|
|     |                                                 | Từ                        | Đến |            |
| (1) | (2)                                             | (3)                       | (4) | (5)        |
|     | <b>Phường Thới An Đông và phường Long Tuyền</b> |                           |     |            |
|     | <b>b) Đất ở đô thị thuộc các hẻm vị trí 2</b>   |                           |     |            |
| 114 | Khu Tái định cư Bình Thủy<br>(khu 1)            | Đường trục chính trên 10m |     | 16.200.000 |
|     |                                                 | Đường trục phụ dưới 10m   |     | 14.000.000 |

Đối với các vị trí nền tiếp giáp 02 mặt tiền (nền góc) thì mức giá cao hơn 20% so với mức giá nêu trên.

**Phụ lục II****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA PHỤ LỤC III.3  
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2019/QĐ-UBND****BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN CÁI RĂNG (CŨ)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số ...../2025/QĐ-UBND)*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

| Stt | Tên khu tái định cư        | Đoạn đường               |     | Giá đất    |
|-----|----------------------------|--------------------------|-----|------------|
|     |                            | Từ                       | Đến |            |
| (1) | (2)                        | (3)                      | (4) | (5)        |
|     | <b>Phường Hưng Phú</b>     |                          |     |            |
|     | <b>a) Đất ở tại đô thị</b> |                          |     |            |
| 50  | Khu tái định cư Phú An     | Trục đường chính đường A |     | 10.500.000 |
|     |                            | Trục đường chính đường B |     | 9.600.000  |

Đối với các vị trí nền tiếp giáp 02 mặt tiền (nền góc) thì mức giá cao hơn 20% so với mức giá nêu trên.

**Phụ lục III****SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA PHỤ LỤC SỐ III.4  
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2019/QĐ-UBND****BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN Ô MÔN (CŨ)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2025/QĐ-UBND)*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

| Stt | Tên khu tái định cư                | Đoạn đường                                                    |     | Giá đất   |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-----|-----------|
|     |                                    | Từ                                                            | Đến |           |
| (1) | (2)                                | (3)                                                           | (4) | (5)       |
|     | <b>Phường Ô Môn</b>                |                                                               |     |           |
|     | <b>a) Đất ở tại đô thị</b>         |                                                               |     |           |
| 31  | Khu tái định cư quận Ô Môn (khu 1) | Các thửa tiếp giáp đường nội bộ Khu tái định cư Ô Môn (khu 1) |     | 7.900.000 |

Đối với các vị trí nền tiếp giáp 02 mặt tiền (nền góc) thì mức giá cao hơn 20% so với mức giá nêu trên.

**Phụ lục IV**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA PHỤ LỤC SỐ I.2  
BAN HÀNH KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 19/2019/QĐ-UBND ĐƯỢC  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BỞI QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2021/QĐ-UBND**

**BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ QUẬN BÌNH THỦY (CŨ)**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2025/QĐ-UBND)

*Đơn vị tính: Đồng/m<sup>2</sup>*

| Stt | Tên khu tái định cư                                                                                                                  | Đoạn đường                                 |     | Giá đất    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----|------------|
|     |                                                                                                                                      | Từ                                         | Đến |            |
| (1) | (2)                                                                                                                                  | (3)                                        | (4) | (5)        |
|     | <b>Phường Bình Thủy</b>                                                                                                              |                                            |     |            |
|     | <b>b) Đất ở đô thị thuộc các hẻm vị trí 2</b>                                                                                        |                                            |     |            |
| 113 | Khu tái định cư công trình bồi thường, giải phóng mặt bằng cơ sở hạ tầng Khu hành chính và trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy | Các thửa đất tiếp giáp đường Lạc Long Quân |     | 17.000.000 |
|     |                                                                                                                                      | Trục chính                                 |     | 16.200.000 |
|     |                                                                                                                                      | Trục phụ                                   |     | 14.500.000 |

Đối với các vị trí nền tiếp giáp 02 mặt tiền (nền góc) thì mức giá cao hơn 20% so với mức giá nêu trên.